

**BỘ BƯU CHÍNH,
VIỄN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2006/QĐ-BBCVT

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ và sử dụng các loại mã, số viễn thông

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 160/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về viễn thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Viễn thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng phân bổ và sử dụng các loại mã, số viễn thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Viễn thông, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Đỗ Trung Tá

BẢNG PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG CÁC LOẠI MÃ, SỐ VIỄN THÔNG

(Ban hành theo Quyết định số 53/2006/QĐ-BBCVT ngày 15 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông)

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích/Trạng thái
0	Số mào đầu quốc gia	1 chữ số	
00	Số mào đầu quốc tế	2 chữ số	
01			
010	Mã mạng Dành cho mạng và dịch vụ mới	3-4 chữ số	Chưa có kế hoạch phân bổ ⁽¹⁾
011	Di động IMT-2000	3-4 chữ số	Chưa có kế hoạch phân bổ
012	Di động tế bào	3 chữ số	Dự phòng ⁽²⁾
013	Truy nhập vô tuyến băng rộng	3-4 chữ số	Chưa có kế hoạch phân bổ
014	Dành cho mạng và dịch vụ mới	3-4 chữ số	Chưa có kế hoạch phân bổ
015	Di động tế bào	3 chữ số	Dự phòng
016	Di động tế bào	3 chữ số	Dự phòng
017	Di động tế bào	3-4 chữ số	Dự phòng
018	Mã vùng Gọi liên tỉnh đến Hòa Bình	3 chữ số	Mã vùng 18 sẽ chuyển thành 218 / sẽ thu hồi ⁽³⁾ .
019	Gọi liên tỉnh đến Hà Giang	3 chữ số	Mã vùng 19 sẽ chuyển thành 219 / sẽ thu hồi.
02			
020	Gọi liên tỉnh đến Lào Cai	3 chữ số	Mã vùng 20 / đã phân bổ ⁽⁴⁾

0969/1633

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích/Trạng thái
0210	Gọi liên tỉnh đến Vĩnh Phúc	4 chữ số	Mã vùng 210 / đã phân bổ.
0211	Gọi liên tỉnh đến Phú Thọ	4 chữ số	Mã vùng 211 / đã phân bổ.
0218	Gọi liên tỉnh đến Hòa Bình	4 chữ số	Mã vùng 218 sẽ được dùng thay cho 18. / sẽ phân bổ ⁽⁵⁾
0219	Gọi liên tỉnh đến Hà Giang	4 chữ số	Mã vùng 219 sẽ được dùng thay cho 19. / sẽ phân bổ
022	Gọi liên tỉnh đến Sơn La	3 chữ số	Mã vùng 22. / đã phân bổ.
023	Gọi liên tỉnh đến Lai Châu Gọi liên tỉnh đến Điện Biên	3 chữ số	Mã vùng 23. / đã phân bổ.
0240	Gọi liên tỉnh đến Bắc Giang	4 chữ số	Mã vùng 240. / đã phân bổ.
0241	Gọi liên tỉnh đến Bắc Ninh	4 chữ số	Mã vùng 241. / đã phân bổ.
025	Gọi liên tỉnh đến Lạng Sơn	3 chữ số	Mã vùng 25. / đã phân bổ.
026	Gọi liên tỉnh đến Cao Bằng	3 chữ số	Mã vùng 26. / đã phân bổ.
027	Gọi liên tỉnh đến Tuyên Quang	3 chữ số	Mã vùng 27. / đã phân bổ.
0280	Gọi liên tỉnh đến Thái Nguyên	4 chữ số	Mã vùng 280. / đã phân bổ.
0281	Gọi liên tỉnh đến Bắc Cạn	4 chữ số	Mã vùng 281. / đã phân bổ.
029	Gọi liên tỉnh đến Yên Bái	3 chữ số	Mã vùng 29. / đã phân bổ.

09691633

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích/Trạng thái
03			
030	Gọi liên tỉnh đến Ninh Bình	3 chữ số	Mã vùng 30. / đã phân bổ.
031	Gọi liên tỉnh đến Hải Phòng	3 chữ số	Mã vùng 31. / đã phân bổ.
0320	Gọi liên tỉnh đến Hải Dương	4 chữ số	Mã vùng 320. / đã phân bổ.
0321	Gọi liên tỉnh đến Hưng Yên	4 chữ số	Mã vùng 321. / đã phân bổ.
033	Gọi liên tỉnh đến Quảng Ninh	3 chữ số	Mã vùng 33. / đã phân bổ.
034	Gọi liên tỉnh đến Hà Tây	3 chữ số	Mã vùng 34. / đã phân bổ.
0350	Gọi liên tỉnh đến Nam Định	4 chữ số	Mã vùng 350. / đã phân bổ.
0351	Gọi liên tỉnh đến Hà Nam	4 chữ số	Mã vùng 351. / đã phân bổ.
036	Gọi liên tỉnh đến Thái Bình	3 chữ số	Mã vùng 36. / đã phân bổ.
037	Gọi liên tỉnh đến Thanh Hóa	3 chữ số	Mã vùng 37. / đã phân bổ.
038	Gọi liên tỉnh đến Nghệ An	3 chữ số	Mã vùng 38. / đã phân bổ.
039	Gọi liên tỉnh đến Hà Tĩnh	3 chữ số	Mã vùng 39. / đã phân bổ.
04	Gọi liên tỉnh đến Hà Nội	2 chữ số	Mã vùng 4. / đã phân bổ.
0400-0409	Mã mạng Dành cho mạng và dịch vụ mới	4-5 chữ số	Chưa có kế hoạch phân bổ

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích/Trạng thái
05	Mã vùng		
050	Gọi liên tỉnh đến Đắk Lắc	3 chữ số	Mã vùng 50. / đã phân bổ.
	Gọi liên tỉnh đến Đắk Nông		
0510	Gọi liên tỉnh đến Quảng Nam	4 chữ số	Mã vùng 510. / đã phân bổ.
0511	Gọi liên tỉnh đến Đà Nẵng	4 chữ số	Mã vùng 511. / đã phân bổ.
052	Gọi liên tỉnh đến Quảng Bình	3 chữ số	Mã vùng 52. / đã phân bổ.
053	Gọi liên tỉnh đến Quảng Trị	3 chữ số	Mã vùng 53. / đã phân bổ.
054	Gọi liên tỉnh đến Thừa Thiên - Huế	3 chữ số	Mã vùng 54. / đã phân bổ.
055	Gọi liên tỉnh đến Quảng Ngãi	3 chữ số	Mã vùng 55. / đã phân bổ.
056	Gọi liên tỉnh đến Bình Định	3 chữ số	Mã vùng 56. / đã phân bổ.
057	Gọi liên tỉnh đến Phú Yên	3 chữ số	Mã vùng 57. / đã phân bổ.
058	Gọi liên tỉnh đến Khánh Hòa	3 chữ số	Mã vùng 58. / đã phân bổ.
059	Gọi liên tỉnh đến Gia Lai	3 chữ số	Mã vùng 59. / đã phân bổ.
06			
060	Gọi liên tỉnh đến Kon Tum	3 chữ số	Mã vùng 60. / đã phân bổ.
061	Gọi liên tỉnh đến Đồng Nai	3 chữ số	Mã vùng 61. / đã phân bổ.

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích/Trạng thái
062	Gọi liên tỉnh đến Bình Thuận	3 chữ số	Mã vùng 62. / đã phân bổ.
063	Gọi liên tỉnh đến Lâm Đồng	3 chữ số	Mã vùng 63. / đã phân bổ.
064	Gọi liên tỉnh đến Bà Rịa Vũng Tàu	3 chữ số	Mã vùng 64. / đã phân bổ.
0650	Gọi liên tỉnh đến Bình Dương	4 chữ số	Mã vùng 650. / đã phân bổ.
0651	Gọi liên tỉnh đến Bình Phước	4 chữ số	Mã vùng 651. / đã phân bổ.
066	Gọi liên tỉnh đến Tây Ninh	3 chữ số	Mã vùng 66. / đã phân bổ.
067	Gọi liên tỉnh đến Đồng Tháp	3 chữ số	Mã vùng 67. / đã phân bổ.
068	Gọi liên tỉnh đến Ninh Thuận	3 chữ số	Mã vùng 68. / đã phân bổ.
069	Mã mạng Gọi vào mạng Bộ Công an Gọi vào mạng Bộ Quốc phòng	3 chữ số	Mã mạng 69. / đã phân bổ.
07	Mã vùng		
070	Gọi liên tỉnh đến Vĩnh Long	3 chữ số	Mã vùng 70. / đã phân bổ.
071	Gọi liên tỉnh đến Cần Thơ Gọi liên tỉnh đến Hậu Giang	3 chữ số	Mã vùng 71. / đã phân bổ.
072	Gọi liên tỉnh đến Long An	3 chữ số	Mã vùng 72. / đã phân bổ.
073	Gọi liên tỉnh đến Tiền Giang	3 chữ số	Mã vùng 73. / đã phân bổ.

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích/Trạng thái
074	Gọi liên tỉnh đến Trà Vinh	3 chữ số	Mã vùng 74. / đã phân bổ.
075	Gọi liên tỉnh đến Bến Tre	3 chữ số	Mã vùng 75. / đã phân bổ.
076	Gọi liên tỉnh đến An Giang	3 chữ số	Mã vùng 76. / đã phân bổ.
077	Gọi liên tỉnh đến Kiên Giang	3 chữ số	Mã vùng 77. / đã phân bổ.
0780	Gọi liên tỉnh đến Cà Mau	4 chữ số	Mã vùng 780. / đã phân bổ.
0781	Gọi liên tỉnh đến Bạc Liêu	4 chữ số	Mã vùng 781. / đã phân bổ.
079	Gọi liên tỉnh đến Sóc Trăng	3 chữ số	Mã vùng 79. / đã phân bổ.
08	Gọi liên tỉnh đến TP. Hồ Chí Minh	2 chữ số	Mã vùng 8. / đã phân bổ.
080	Mã mạng Gọi vào mạng Cục Bưu điện Trung ương	3 chữ số	Mã mạng 80. / đã phân bổ.
09			
090	Gọi vào mạng di động tế bào VMS	3 chữ số	Mã mạng 90. / đã phân bổ.
091	Gọi vào mạng di động tế bào GPC	3 chữ số	Mã mạng 91. / đã phân bổ.
092	Gọi vào mạng di động tế bào HT	3 chữ số	Mã mạng 92. / đã phân bổ.
093	Gọi vào mạng di động tế bào VMS	3 chữ số	Mã mạng 93. / đã phân bổ.
094	Gọi vào mạng di động tế bào GPC	3 chữ số	Mã mạng 94. / đã phân bổ.

0969/1633

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích/Trạng thái
095	Gọi vào mạng di động tế bào SPT	3 chữ số	Mã mạng 95 / đã phân bổ.
096	Gọi vào mạng di động tế bào EVNT	3 chữ số	Mã mạng 96 / đã phân bổ.
097	Gọi vào mạng di động tế bào VIETTEL	3 chữ số	Mã mạng 97 / đã phân bổ.
098	Gọi vào mạng di động tế bào VIETTEL	3 chữ số	Mã mạng 98 / đã phân bổ.
099	Gọi vào mạng VSAT VNPT	3 chữ số	Mã mạng 99 / đã phân bổ.
10			
100000-100116	Dịch vụ đo thử	6 chữ số	Dự phòng
100117	Báo giờ	6 chữ số	Số dùng chung (<i>thay cho 117 cũ</i>) / sẽ phân bổ
100118	Tự thử chuông máy điện thoại	6 chữ số	Số dùng chung (<i>thay cho 118 cũ</i>) / sẽ phân bổ
100119-100999			Dự phòng
101	Đăng ký đàm thoại trong nước	3-4 chữ số	
102-105		3 chữ số	VNPT / đã phân bổ Dự phòng
1060-1079	Dịch vụ giá cao nội vùng	4-6 chữ số	
1080		4 chữ số	Dự phòng VNPT / đã phân bổ

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích/Trạng thái
1081		4 chữ số	VNPT / đã phân bổ
1082-1085			Dự phòng
108600		6 chữ số	VNPT / đã phân bổ
108601		6 chữ số	VNPT / đã phân bổ
1087			Dự phòng
1088		4 chữ số	VNPT / đã phân bổ
1089-1099			Dự phòng
11			
110	Đăng ký đàm thoại quốc tế	3-4 chữ số 3 chữ số	VNPT / đã phân bổ
111	Dịch vụ khẩn cấp	3-4 chữ số	
112		3 chữ số	Dự phòng
113	Gọi Công an	3-4 chữ số 3 chữ số	Dự phòng Số dùng chung / đã phân bổ
114	Gọi Cứu hỏa	3 chữ số	Số dùng chung / đã phân bổ
115	Gọi cấp cứu y tế	3 chữ số	Số dùng chung / đã phân bổ
116	Tra cứu số điện thoại nội hạt	3 chữ số 3 chữ số	Số dùng chung / đã phân bổ

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích/Trạng thái
117	Dịch vụ hỗ trợ khách hàng bắt buộc	3-4 chữ số	<i>(dịch vụ báo giờ 117 cũ, sẽ thay bằng 100117)</i> / sẽ thu hồi
1180-1189	Dịch vụ báo hồng số máy điện thoại nội hạt	4 chữ số	<i>(dịch vụ tự thử chuông 118 cũ, sẽ thay bằng 100118)</i> / sẽ thu hồi
119		3 chữ số	VNPT / đã phân bổ
12			
120	Dịch vụ gọi trực tiếp về nước (Home Country Direct - HCD)	3-4 chữ số	
121-122		3 chữ số	VNPT / đã phân bổ
1230-1239	Dịch vụ truyền số liệu	3-4 chữ số	Dự phòng
1240-1249		4 chữ số	Dự phòng mạng TSL của Đảng, CP. / đã phân bổ
1250-1259		4 chữ số	VNPT / đã phân bổ
1260	Dịch vụ Internet	4-5 chữ số 4 chữ số	VNPT / đã phân bổ

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích/Trạng thái
1261-1266 1267-1269		4 chữ số	Dự phòng VNPT / đã phân bổ
1270		4 chữ số	SPT / đã phân bổ
1271-1276			Dự phòng
12770-12776 12777		5 chữ số 5 chữ số	Dự phòng TIE Co. / đã phân bổ
12778-12779		5 chữ số	Dự phòng
1278		4 chữ số	Viettel / đã phân bổ
1279			Dự phòng
1280		4 chữ số	FPT / đã phân bổ
1281-1283			Dự phòng
1284		4 chữ số	NetNam / đã phân bổ
1285-1287			Dự phòng
12880-12888 12889		5 chữ số 5 chữ số	Dự phòng HT / đã phân bổ
12890-12897		5 chữ số	Dự phòng
12898		5 chữ số	OCI / đã phân bổ
12899		5 chữ số	OCI / đã phân bổ

09691633

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích/Trạng thái
12900 12901 12902-12999		5 chữ số	Dự phòng QTNet / đã phân bổ Dự phòng
130-139	Đăng ký đàm thoại quốc tế	3-4 chữ số	Dự phòng
1400-1409 141	Dịch vụ nhắn tin Nhắn tin SMS từ mạng cố định vào mạng di động tế bào GPC.	3-4 chữ số 3 chữ số	Dự phòng VNPT / đã phân bổ
142 143 144	Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông	4-6 chữ số	<i>Giải đáp cước QT cũ, sẽ chuyển sang dùng đầu số 1800. / sẽ thu hồi. Hướng dẫn quay số quốc tế cũ. / sẽ thu hồi Dự phòng</i>

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích/Trạng thái
145 146-147 148 149			Dự phòng Dự phòng <i>Giấy mời quốc tế cũ.</i> / sẽ thu hồi Dự phòng
150-159	Dành cho các dịch vụ mới		Chưa có kế hoạch phân bổ
160	Dành cho các dịch vụ mới		Chưa có kế hoạch phân bổ
161 162-167 168 169	Mã nhà khai thác	3-4 chữ số 3 chữ số 3 chữ số	VNPT / đã phân bổ Dự phòng Viettel / đã phân bổ Dự phòng
170	Dành cho các dịch vụ mới		Chưa có kế hoạch phân bổ
171 172 173-174 175	Dịch vụ điện thoại VoIP	3-4 chữ số 3 chữ số 3 chữ số 3 chữ số	VNPT / đã phân bổ HT / đã phân bổ Dự phòng Vishipel / đã phân bổ

09691633

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích/Trạng thái
176 177		3 chữ số	Dự phòng SPT / đã phân bổ
178		3 chữ số	Viettel / đã phân bổ
179		3 chữ số	EVNT / đã phân bổ
18000 18001 18002-18004 18005 18006 18007 18008 18009	Dịch vụ gọi tự do toàn quốc	8-10 chữ số 8 chữ số 10 chữ số 8-10 chữ số 8-10 chữ số 8-10 chữ số	Dự phòng VNPT / đã phân bổ Dự phòng VNPT / đã phân bổ Dự phòng SPT / đã phân bổ VIETTEL / đã phân bổ EVNT / đã phân bổ
1801-1809	Dành cho các dịch vụ mới		Chưa có kế hoạch phân bổ
1810-1819	Dịch vụ điện thoại thẻ trả trước (PCC)	4-5 chữ số	Dự phòng
182-189	Dành cho các dịch vụ mới		Chưa có kế hoạch phân bổ

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích/Trạng thái
<p>19000 19001</p> <p>19002-19004 19005</p> <p>19006 19007</p> <p>19008</p> <p>19009</p>	<p>Dịch vụ giá cao toàn quốc</p>	<p>8-10 chữ số</p> <p>8 chữ số</p> <p>10 chữ số</p> <p>8-10 chữ số</p> <p>8-10 chữ số</p>	<p>Dự phòng VNPT / đã phân bổ</p> <p>Dự phòng VNPT / đã phân bổ</p> <p>Dự phòng SPT / đã phân bổ</p> <p>VIETTEL / đã phân bổ</p> <p>EVNT / đã phân bổ</p>
<p>1901-1999</p>	<p>Dành cho các dịch vụ mới</p>		<p>Chưa có kế hoạch phân bổ (199 đang dùng cho số thuê bao Bộ Ngoại giao; sẽ thay bằng 799) / sẽ thu hồi</p>
<p>2-9</p>	<p>Số thuê bao mạng viễn thông cố định mặt đất và di động nội vùng</p>	<p>6-9 chữ số</p>	<p>Dùng sau mã vùng</p>
<p>2-9</p>	<p>Số thuê bao mạng viễn thông di động mặt đất toàn quốc</p>	<p>7-9 chữ số</p>	<p>Dùng sau mã mạng di động</p>

09691633

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích/Trạng thái
2-9	Số thuê bao mạng VSAT VNPT	6-7 chữ số	<i>Dùng sau mã mạng 99</i>
3-4	Số thuê bao mạng dùng riêng Bộ Công An	5-7 chữ số	<i>Dùng sau mã mạng 69</i>
5-8	Số thuê bao mạng dùng riêng Bộ Quốc Phòng	6-7 chữ số	<i>Dùng sau mã mạng 69</i>
3-8	Số thuê bao mạng chuyên dùng Cục Bưu điện Trung ương	5-7 chữ số	<i>Dùng sau mã mạng 80</i>
199	Số thuê bao mạng dùng riêng Bộ Ngoại giao	7 chữ số	<i>Dùng sau mã vùng 4, sẽ thay bằng 799. / sẽ thu hồi</i>

Ghi chú:

- (1): Chưa có kế hoạch phân bổ là chưa xem xét việc phân bổ các loại mã, số viễn thông theo yêu cầu của các doanh nghiệp viễn thông, Internet hoặc các tổ chức, cá nhân.
- (2): Dự phòng là khả năng sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp viễn thông, Internet hoặc các tổ chức, cá nhân về việc phân bổ các loại mã, số viễn thông trên cơ sở Quy hoạch và Quy định quản lý kho số.
- (3): Sẽ thu hồi là các loại mã, số viễn thông sẽ bị thu hồi từ các doanh nghiệp viễn thông, Internet hoặc các tổ chức cá nhân xác định.
- (4): Đã phân bổ là trạng thái các loại mã, số viễn thông đã được phân bổ cho các mạng, doanh nghiệp viễn thông, Internet hoặc các tổ chức, cá nhân xác định.
- (5): Sẽ phân bổ là các loại mã, số viễn thông sau khi bị thu hồi sẽ phân bổ lại cho các mạng, doanh nghiệp viễn thông, Internet hoặc các tổ chức, cá nhân.